TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2022
"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp;
2. Ông Lê Văn Do.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Lê Hiền Băng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Hoàng L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Hoàng L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 31/8/2018. Sau khi kết hôn, chị và anh L sống chung đến năm 2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do mâu thuẫn căng thẳng, năm 2020 chị làm đơn yêu cầu ly hôn anh L tại Tòa án nhân dân huyện Đ, sau đó chị và anh L tự hòa giải đoàn tụ

và chị tự nguyện rút đơn đình chỉ vụ án để xây dựng lại cuộc sống gia đình. Tuy nhiên chị và anh L sống đến tháng 7 năm 2021 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn, nguyên nhân mâu thuẫn vì anh L không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không lo làm ăn và thường xuyên xảy ra cãi vả, từ đó chị và anh L đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Hoàng L.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Hoàng L có 01 con chung là Đỗ Bảo Lưu, sinh ngày 01/10/2018. Cháu Lưu sống cùng với chị tại Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G từ khi sinh ra cho đến nay. Ly hôn chị yêu cầu cho chị được nuôi con chung Đỗ Bảo Lưu, sinh ngày 01/10/2018. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Vì chị đủ điều kiện kinh tế nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Đỗ Hoàng L. Tuy nhiên, anh Đỗ Hoàng L không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, anh Đỗ Hoàng L không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa kiểm sát viên vắng mặt, nhưng có bản phát biểu ý kiến trước khi mở phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn anh Đỗ Hoàng L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị Nguyễn Thị Thanh Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Đỗ Hoàng L. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn là anh Đỗ Hoàng L có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh G. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn anh Đỗ Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để

tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Đỗ Hoàng L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 31/8/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Nguyễn Thị Thanh Tr trình bày thì trong thời gian chung sống đến năm 2019 xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vì anh L không chăm lo cho cuộc sống gia đình, bỏ bê vợ con, chị Tr và anh L thường xuyên xảy ra cãi vả nhau, đến năm 2020 chị Tr làm đơn yêu cầu ly hôn với anh L sau đó vợ chồng tự đoàn tụ và đã được Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định đình chỉ số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2020. Tuy nhiên từ khi sống chung năm 2021 chị và anh L tiếp tục xảy ra mâu thuẫn cũ, do mâu thuẫn căng thẳng chị và anh L đã ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đỗ Hoàng L.

[3] Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Đỗ Hoàng L là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng cãi vả lẫn nhau, chị Tr đã nộp đơn ly hôn với anh L và đã được Tòa án hòa giải rút đơn về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành, hiện nay vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra chị Tr và anh L đã ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã triệu tập anh L để tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ với nhau và để giải quyết vụ án nhưng anh L không đến Tòa án để tham phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, anh L đã không còn yêu thương đối với chị Trvà không quan tâm đến tình cảm vợ chồng cũng như việc xây dựng, hàn gắn tổ ấm gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 14/12/2021 tại Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G thể hiện: *Địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Tr và chị L vì không thấy báo với chính quyền địa phương khi có mâu thuẫn xảy ra.*

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Tr là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Đỗ Hoàng L có 01 con chung là Đỗ Bảo Lưu, sinh ngày 01/10/2018. Ly hôn chị Tr yêu cầu giải quyết cho chị Tr được nuôi con chung.

Xét, con chung Đỗ Bảo Lưu sống cùng với chị Nguyễn Thị Thanh Tr tại Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G ổn định cho đến nay. Anh L không đến Tòa

án trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung đối với chị Tr.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Tr phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp đến phát triển ổn định của con chung Đỗ Bảo Lưu, nên giao con chung Đỗ Bảo Lưu cho chị Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung Đỗ Bảo Lưu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr không yêu cầu anh Đỗ Bảo Lưu cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, vì chị đủ điều kiện kinh tế nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Tr đối với anh Đỗ Hoàng L.

1. Cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr được ly hôn anh Đỗ Hoàng L.

2. Giao con chung Đỗ Bảo Lưu, sinh ngày 01/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung Đỗ Bảo Lưu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy

định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Anh Đỗ Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Bảo Lưu, sinh ngày 01/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0009392 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Bị đơn anh Đỗ Hoàng L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G số 108 vào ngày 31/8/2018;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài Thơ